

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHƯ MỘT TRIẾT LÝ SỐNG

PHẠM MINH ĐỨC

Trường Đại học VinUni

PGS, TS NGUYỄN ANH TUẤN

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

♦ **Tóm tắt:** Bên cạnh cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội như một học thuyết, phong trào và chế độ, bài viết này giới thiệu một góc nhìn mới: chủ nghĩa xã hội như một triết lý sống. Cách tiếp cận này mở ra chiều sâu ý nghĩa mới cho chủ nghĩa xã hội, đồng thời, nhấn mạnh tính thực tiễn và giá trị nhân văn của nó. Chủ nghĩa xã hội, khi được xem là triết lý sống, đề cao phẩm giá con người, tình nghĩa và trách nhiệm cộng đồng.

♦ **Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội; Triết lý sống; Hồ Chí Minh.

Ngày nhận: 04-12-2024

Ngày thẩm định: 24-01-2025

Ngày duyệt đăng: 15-02-2025

V.I.Lênin từng khẳng định: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”¹. Do vậy, lý luận mácxít phải không ngừng vận động và gắn bó chặt chẽ với thực tiễn. “Cuộc sống” mà Ông đề cập chính là thực tiễn lịch sử và xã hội, nơi lý luận được kiểm chứng, hoàn thiện và thích ứng. Phát triển CNXH như một khoa học đòi hỏi việc không ngừng làm mới, điều chỉnh và mở rộng lý luận để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Vì thế, nghiên cứu CNXH không chỉ dừng lại ở lý thuyết chính trị hay kinh tế, mà còn phải nhìn nhận nó như một triết lý sống – yếu tố linh hoạt, động và gắn liền với thời cuộc, đồng thời là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn.

Triết lý sống này định hướng cách con người hành xử với nhau, với xã hội và với bản thân, đồng thời kết nối lý luận với thực tiễn. Dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh – người sáng tạo, vận dụng các nguyên lý Mác - Lênin phù hợp với bối cảnh Việt Nam, bài viết này xem xét CNXH dưới góc độ triết lý sống, qua đó, làm rõ vai trò của nó trong việc giúp CNXH trở nên sinh động, thực tiễn và khoa học, bằng cách phân tích sự thống nhất biện chứng giữa học thuyết, phong trào và chế độ, cùng việc vận dụng triết lý này trong các chính sách phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Sự thống nhất biện chứng giữa ba góc độ chủ yếu của CNXH

Theo Ph.Ăngghen, để biến CNXH thành một khoa học, cần đặt nó trên “cơ sở hiện thực”, tức là cơ sở duy vật biện chứng. Và cơ sở hiện thực bao gồm cả bình diện vật chất² và xã hội³. Vì lẽ đó, C.Mác khẳng định rằng, trong sản xuất xã hội, con người buộc phải

thiết lập các quan hệ sản xuất tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Toàn bộ các quan hệ này tạo thành cơ sở hạ tầng của xã hội, trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị và ý thức xã hội được xây dựng.

C.Mác nhấn mạnh, lý luận CNXH chỉ đạt tính khoa học khi gắn bó với thực tiễn đấu tranh giai cấp. Khi lực lượng sản xuất đủ phát triển, giai cấp vô sản tự tổ chức thành lực lượng chính trị độc lập, lý luận mới thoát khỏi trạng thái không tưởng để phản ánh đúng thực tế và trở thành công cụ cách mạng⁴. Các điều kiện vật chất là nền tảng thiết yếu cho cách mạng XHCN, bởi nếu chúng chưa chín muồi, mọi học thuyết sẽ chỉ là những “mong muốn” thiếu tính hiện thực⁵.

Hơn nữa, lý luận XHCN không chỉ phản ánh các quy luật lịch sử mà còn thúc đẩy các biến đổi cách mạng. Sự phát triển của phong trào công nhân biến các nguyên lý học thuyết thành sức mạnh thực tiễn, dẫn đến việc xây dựng chế độ XHCN – một xã hội không có bóc lột, công bằng và giải phóng toàn diện con người. Chính sự gắn kết giữa lý luận, phong trào và chế độ làm cho CNXH không chỉ là một hệ thống lý luận, mà còn là một triết lý sống. Triết lý sống này được xây dựng trên cơ sở của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa lý tưởng và cuộc sống hàng ngày. CNXH vừa định hướng con người về đấu tranh giai cấp và cách mạng, vừa định hướng con người tới một cuộc sống hài hòa, nơi mỗi cá nhân thực sự được phát triển toàn diện và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng. Sự thống nhất này chính là chìa khóa làm cho CNXH không chỉ là một mục tiêu cách mạng, mà còn là một hệ giá trị sống, một nền tảng đạo đức và tinh thần cho toàn xã hội.

2. Sự thống nhất biện chứng giữa ba góc độ chủ yếu của CNXH trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhìn nhận CNXH là sự thống nhất giữa học thuyết,

phong trào và chế độ. Người khẳng định, đây là bước tiến tất yếu của lịch sử, phản ánh sự vận động biện chứng từ chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản đến xã hội XHCN⁶, nhưng con đường phát triển của mỗi dân tộc cần phù hợp với hoàn cảnh cụ thể⁷. Theo Người, CNXH không chỉ là lý thuyết trừu tượng mà phải gắn liền với cải cách thực tiễn, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân.

Hồ Chí Minh định nghĩa CNXH qua những mục tiêu cụ thể như: “dân giàu, nước mạnh”⁸, “mọi người ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do”⁹, và nhấn mạnh nguyên tắc công bằng: “Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”¹⁰. Đây là xã hội không bóc lột, nơi mọi người lao động đều bình đẳng và được đảm bảo quyền lợi cơ bản¹¹.

Với tư cách phong trào, CNXH là con đường giải phóng dân tộc và người lao động. Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam, gắn kết chặt chẽ lý thuyết với thực tiễn đấu tranh¹². Thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là minh chứng cho sự thống nhất giữa lý luận và phong trào cách mạng. Thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là minh chứng cho sự đúng đắn của lý luận cách mạng XHCN, là kết quả của việc kiên trì áp dụng lý thuyết vào thực tiễn. Hồ Chí Minh cũng khẳng định rằng, chỉ thông qua việc xóa bỏ hệ thống áp bức bóc lột, thiết lập một chế độ xã hội mới dựa trên công bằng và bình đẳng, giai cấp vô sản và các dân tộc thuộc địa mới có thể giành được độc lập và tự do thực sự.

Kết quả là, chế độ XHCN, nơi các giá trị về công bằng, bình đẳng và giải phóng con người được thực thi. Theo Hồ Chí Minh, đây không chỉ là một chế độ chính trị mà còn là một triết lý sống, hướng con người tới sự phát triển toàn diện và hạnh phúc. CNXH trong tư tưởng của Người là sự kết hợp giữa lý luận, phong trào

và chế độ, gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân, làm nên một triết lý sống nhân văn và thực tiễn.

Tóm lại, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, CNXH được nhìn nhận qua sự thống nhất biện chứng giữa phong trào, học thuyết và chế độ. Học thuyết Mác - Lênin là nền tảng giúp Người xác định con đường cách mạng phù hợp với yêu cầu lịch sử của dân tộc, giải phóng xã hội và con người. Phong trào cách mạng là phương tiện biến lý luận thành thực tiễn sống động, kết nối quần chúng với mục tiêu cách mạng. Chế độ XHCN là kết quả tất yếu của đấu tranh cách mạng, bảo đảm các giá trị công bằng, bình đẳng và giải phóng con người. Sự thống nhất này không chỉ khẳng định tính khoa học của CNXH mà còn làm nó trở thành một triết lý sống nhân văn, gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân.

3. CNXH là sống có tình, có nghĩa

CNXH, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, không chỉ là một lý thuyết chính trị hay phong trào cách mạng mà còn là một triết lý sống nhân văn, thấm nhuần tình nghĩa và tinh thần đoàn kết. Theo Người, CNXH gắn liền với nhiệm vụ đấu tranh chống bóc lột và bất công, bảo vệ quyền lợi cho những người lao động bị áp bức. Điều này không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn thể hiện một lối sống đầy trách nhiệm, lòng nhân ái và sự đồng cảm sâu sắc với cộng đồng. Theo Hồ Chí Minh, một người XHCN không thể sống thờ ơ trước sự đau khổ của đồng loại; thay vào đó, họ cần sẵn sàng đối đầu với bất công, ngay cả khi phải chịu nhiều mất mát cá nhân¹³.

Trong bối cảnh thuộc địa, nơi mà “luật lệ của chó sói ngự trị”¹⁴, Hồ Chí Minh nhận thấy rằng, sự đấu tranh chống lại ách thống trị thực dân không chỉ xuất phát từ khát vọng giải phóng dân tộc mà còn từ tình nghĩa giữa những người lao động. Những người dân thuộc địa tìm đến CNXH như tìm một chỗ dựa tinh thần, một lý tưởng nhân văn có thể soi

sáng con đường thoát khỏi áp bức. Điều đặc biệt là, dù họ không tiếp cận CNXH qua sách vở lý thuyết, song hành động của họ – đấu tranh vì quyền lợi và công bằng – vẫn mang bản chất sâu sắc của tinh thần XHCN.

Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ, sống theo lý tưởng XHCN không chỉ là đấu tranh cho quyền lợi mà còn đòi hỏi sự hy sinh, vượt qua chủ nghĩa cá nhân – thứ mà Người coi là trở ngại lớn đối với sự phát triển xã hội. Chủ nghĩa cá nhân, với việc đặt lợi ích riêng lên trên lợi ích tập thể¹⁵, là biểu hiện của sự khép kín, ích kỷ và là nguồn gốc của bất bình đẳng. Hồ Chí Minh phê phán gay gắt chủ nghĩa cá nhân vì nó đi ngược lại tinh thần của CNXH, nơi mà đoàn kết, công bằng và trách nhiệm chung phải được đặt lên hàng đầu. Người nhấn mạnh rằng, để xây dựng xã hội mới, trước hết mỗi cá nhân phải gắn bó chặt chẽ với cộng đồng, đặt lợi ích chung lên trên tất cả.

CNXH, theo Hồ Chí Minh, không chỉ là một lý thuyết khô khan mà còn là một lối sống mang ý nghĩa đạo đức sâu sắc. Người khẳng định: “Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được?”¹⁶. Với Người, lý thuyết XHCN chỉ thực sự có giá trị khi thấm sâu vào đời sống con người, trở thành kim chỉ nam cho hành động và được thể hiện qua những việc làm cụ thể vì lợi ích chung. Học thuyết Mác - Lênin, khi kết hợp với thực tiễn đấu tranh, không chỉ là công cụ để hiểu rõ thế giới mà còn là phương tiện để cải tạo nó, để con người sống hòa hợp hơn với cộng đồng, với xã hội.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn khẳng định, để xây dựng thành công CNXH, cần có những con người XHCN với tư tưởng, đạo đức và lối sống phù hợp. Người coi đây là yếu tố quyết định để chuyển hóa lý thuyết thành hành động và xây dựng một xã hội mới. Con người XHCN là những người thấu hiểu lý luận, nhưng đồng thời sống và hành động vì lợi ích

tập thể, với tinh thần trách nhiệm cao và lòng nhân ái. Những người như vậy không chỉ biết hy sinh lợi ích cá nhân mà còn biết cách truyền cảm hứng, dẫn dắt quần chúng trên con đường cách mạng. Theo Người, để đạt được điều này, mỗi cá nhân cần vượt qua bản ngã, hòa mình vào những lý tưởng lớn hơn bản thân, như Pierre Hadot từng nói: “Điểm cao nhất mà bản thân con người có thể đạt được là khi một người có cảm giác mình hòa tan vào một điều gì đó vượt xa bản thân mình”¹⁷.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh, lý tưởng XHCN không thể chỉ là khẩu hiệu mà phải được hiện thực hóa qua sự rèn luyện nhân cách, qua hành động cụ thể hàng ngày. Người cho rằng, phong trào cách mạng chỉ có thể thành công khi được dẫn dắt bởi những con người biết sống có tình, có nghĩa, luôn đặt lợi ích nhân dân lên trên hết. Những nhà cách mạng chân chính không chỉ là những người tổ chức giỏi mà còn là những tấm gương đạo đức, biết khơi dậy tinh thần đoàn kết, sự hy sinh và lòng nhân ái trong cộng đồng.

Cuối cùng, Hồ Chí Minh cho rằng, chế độ XHCN chỉ bền vững khi được vận hành bởi những con người XHCN thực thụ¹⁸. Nếu thiếu đi những cá nhân biết đặt lợi ích chung lên hàng đầu, chế độ, dù lý tưởng đến đâu, cũng không thể tồn tại lâu dài. Chính sự thống nhất giữa tư tưởng, hành động và đạo đức của từng cá nhân sẽ làm nên thành công của xã hội XHCN – một xã hội không chỉ công bằng, nhân văn mà còn tràn đầy ý nghĩa, với mục tiêu tối thượng là hạnh phúc của toàn nhân loại. Trong tư tưởng của Người, CNXH không chỉ là một hệ thống lý luận hay chế độ chính trị, mà là một triết lý sống, nơi con người hòa mình vào cộng đồng, sống vì lợi ích tập thể và hướng tới một thế giới công bằng, hạnh phúc.

4. CNXH là đạo đức cách mạng

C.Mác đã khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội là lời tuyên bố cách mạng không ngừng”¹⁹, và trong triết lý sống của Hồ Chí Minh, cũng có

một lời tuyên bố cách mạng không ngừng tương tự, đó chính là không ngừng hoàn thiện đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng không phải chỉ là việc rèn luyện cá nhân để đạt được các mục tiêu chính trị, mà chính là nền tảng cho mọi hành động, tư duy và sự cống hiến của con người nhằm hướng đến mục tiêu giải phóng con người và toàn thể nhân loại. Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, một người cách mạng, trước khi nói đến tài năng hay tri thức, cần phải có đạo đức. Người khẳng định: “Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Đó là đạo đức cách mạng”²⁰.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là nền tảng cốt lõi, không mang tính thủ cựu mà là một hành trình rèn luyện, cống hiến không ngừng vì lợi ích chung. Người nhấn mạnh rằng, đạo đức không chỉ giúp người cách mạng duy trì uy tín lãnh đạo, mà còn là yếu tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng lâu dài: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”²¹. Đạo đức cách mạng chính là tinh thần hy sinh lợi ích cá nhân, phấn đấu vì lý tưởng giải phóng con người khỏi áp bức và xây dựng xã hội mới công bằng, nhân văn.

Một trong những nguyên tắc cốt lõi của đạo đức cách mạng là tinh thần phê bình và tự phê bình – công cụ biện chứng giúp cá nhân và tập thể không ngừng hoàn thiện. Theo Hồ Chí Minh, phê bình không nhằm hạ thấp người khác, mà để “giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ”²², đồng thời, củng cố sự đoàn kết nội bộ. Đây là phương pháp để người cách mạng vượt qua hạn chế bản thân, nâng cao phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, từ đó gắn kết cá nhân với tập thể trong cuộc đấu tranh vì lợi ích chung.

Phê bình và tự phê bình không chỉ đóng vai trò rèn luyện cá nhân mà còn duy trì sự đoàn kết, thống nhất trong tổ chức. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, quá trình này đòi hỏi sự thẳng thắn, trung thực và tinh thần xây dựng, tránh chia rẽ hay công kích cá nhân. Thông qua đó, mỗi người và tập thể có thể tự điều chỉnh để phù hợp với lý tưởng XHCN, đồng thời khắc phục sai lầm, nâng cao hiệu quả hành động.

Đạo đức cách mạng, với tinh thần hy sinh, cống hiến và không ngừng tự hoàn thiện, chính là biểu hiện sinh động của lý tưởng XNCH. Nó không chỉ là điều kiện để đạt được mục tiêu cách mạng mà còn thể hiện bản chất của xã hội tương lai, nơi mọi cá nhân sống vì cộng đồng và vì sự phát triển toàn diện của nhân loại.

5. Kết luận

Dù mới chỉ ra những nét sơ thảo và khái quát, nhưng có thể thấy rằng, CNXH không chỉ chủ yếu là một học thuyết, chế độ hay phong trào, mà còn là một triết lý sống sâu sắc và toàn diện. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, CNXH đã được định hình như một lối sống, nơi con người được đặt vào trung tâm của mọi hoạt động phát triển. Triết lý này hướng đến việc hình thành nên những con người XHCN với đầy đủ phẩm chất đạo đức, lòng nhân ái và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Như đã thấy, sự thống nhất biện chứng giữa học thuyết, phong trào và chế độ là nền tảng để hình thành CNXH như một triết lý sống. Đảng ta đã và đang nỗ lực vận dụng tinh thần này vào mọi lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, giáo dục, nhằm xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ và phát triển bền vững. Triết lý sống XHCN không chỉ là mục tiêu cuối cùng, mà còn là kim chỉ nam cho mọi hành động, dẫn dắt con người sống có tình nghĩa, có đạo đức và đoàn kết vì mục tiêu chung.

Có thể nói, CNXH như một triết lý sống là sự kết tinh những giá trị nhân văn, phẩm giá và trách nhiệm xã hội. Nó không chỉ là một yếu tố để cải thiện đời sống vật chất, mà còn là nền tảng để phát triển con người toàn diện cả về mặt đạo đức và tinh thần. Triết lý này đã trở thành ngọn lửa soi đường cho dân tộc Việt Nam, thúc đẩy đất nước phát triển không chỉ về kinh tế mà còn về văn hóa, đạo đức và tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Nhìn về tương lai, việc tiếp tục phát huy và vận dụng CNXH như một triết lý sống không chỉ là nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước, mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi công dân, để xây dựng một xã hội mà mọi người đều có cơ hội sống và cống hiến vì lợi ích chung. Đó chính là tầm nhìn dài hạn, là sức mạnh nội sinh, giúp Việt Nam tiến bước vững chắc trên con đường phát triển bền vững và nhân văn trong kỷ nguyên mới□

¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2005, tập 4, tr. 232.

² Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2002, tập 20, tr.89-94.

³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 13, tr.14-15

^{4, 5} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 4, tr.205; 205.

^{6, 7, 10, 11} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 11, tr.600; 600-601; 404; 241.

^{8, 9} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 10, tr.390; 593.

^{12, 18} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 12, tr.563; 604.

^{13, 14} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 1, tr.32; 32.

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 8, tr.156.

¹⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 15, tr.668.

¹⁷ Hadot, Pierre, Marc Djaballah, Jeannie Carlier, and Arnold I. Davidson (2009). *The present alone is our happiness: conversations with Jeannie Carlier and Arnold I. Davidson*. Stanford University Press, Stanford, tr. 84.

¹⁹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 7, tr.126.

^{20, 21, 22} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2005, tập 5, tr.292; 292; 272.